TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 12/3/2020
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên

2. Bà Lê Thị Lan Phương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Mai Hoa- Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-DS, ngày 19/12/2019 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS, ngày 25/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Huy T**- sinh năm 1956.
Địa chỉ: Ngõ 9, đường NT, khu H, thị trấn NS, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Bà **Đặng Thị H**- sinh năm 1967.
Địa chỉ: Ngõ 3, đường TP, khu L, thị trấn NS, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị P**- sinh năm 1966.
Địa chỉ: Phố H, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2019, bản tự khai và ý kiến tại các buổi

làm việc, nguyên đơn ông Trần Huy T trình bày:

Ông T với bà Đặng Thị H là chỗ quen biết. Do bà H gặp khó khăn về kinh tế, năm 2017 ông T có cho bà H nhiều lần vay tiền, tổng số tiền ông T cho bà H vay là 30.000.000đ. Khi cho vay hai bên không lập văn bản giấy tờ, không thỏa thuận thời gian trả nợ, không tính lãi. Đến cuối năm 2017 ông T đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại tiền, tháng 10/2017 bà H đã trả được 6.000.000đ và tháng 11/2017 trả được 4.000.000đ, tổng hai lần là 10.000.000đ, khi trả các bên cũng không lập văn bản giấy tờ. Sau đó ông T tiếp tục đòi nhưng bà H chỉ khất lần chứ không trả nên ông T đã làm đơn gửi Công an và UBND thị trấn NS can thiệp giải quyết. Tại các buổi hòa giải tại Công an thị trấn NS bà H đều thừa nhận số tiền còn nợ ông T là 20.000.000đ và viện lý do kinh tế khó khăn chưa trả được, hứa khi nào có sẽ trả nhưng từ đó đến nay vẫn không trả được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả ông số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi của số tiền trên với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ tháng 01/2018 đến ngày khởi kiện, tạm tính là 7.200.000đ.

- *Tại bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, bị đơn bà Đặng Thị H trình bày:* Do bà H và ông Trần Huy T có tình cảm với nhau, đã nhiều lần ông T đòi cưới bà H. Khi thấy bà H khó khăn nên nhiều lần ông T có đưa tiền cho bà H với số tiền là 30.000.000đ, bà H đã trả cho ông T được 15.000.000đ. Khi đưa tiền cho bà ông T nói: *"cứ cầm đấy mà chi tiêu, bao giờ có thì trả, không phải lo về số tiền này"*. Nay ông T yêu cầu bà trả số tiền gốc 20.000.000đ bà không đồng ý vì bà xác định có mượn của ông T 30.000.000đ nhưng đã trả được 15.000.000đ chỉ còn 15.000.000đ và do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả dần cho ông T số tiền trên. Đối với khoản tiền lãi do ông T tự nguyện đưa tiền cho bà chứ bà không vay mượn nên không đồng ý trả tiền lãi.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị P cung cấp*: Bà là bạn của bà H, do bà H khó khăn nên có giới thiệu đến ông T để vay tiền. Bà có biết giữa ông Trần Huy T và bà Đặng Thị H có việc vay mượn tiền của nhau từ năm 2017 với số tiền 30.000.000đ. Bà thấy ông T nhiều lần đòi tiền nhưng bà H mới trả được 10.000.000đ còn nợ 20.000.000đ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc, thay đổi yêu cầu tính lãi, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

Bị đơn bà H giữ nguyên các quan điểm như đã trình bày như trên; không cung cấp được chứng cứ tài liệu gì khác.

Người làm chứng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: Áp dụng: Điều 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Huy T. Buộc bà Đặng Thị H trả cho ông Trần Huy T số tiền 20.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa ông Trần Huy T với bà Đặng Thị H đã thiết lập và thực hiện giao dịch dân sự vay tài sản là tiền. Nay xảy ra tranh chấp bị đơn bà Đặng Thị H có địa chỉ cư trú tại thị trấn NS, huyện N nên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Nam Sách theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đầu năm 2017, giữa ông Trần Huy T với bà Đặng Thị H đã thiết lập và thực hiện giao dịch dân sự vay tài sản là tiền. Mặc dù, khi vay không lập văn bản, không thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi suất nhưng cả ông T và và H đều thừa nhận việc ông T đã giao và bà H đã nhận số tiền là 30.000.000đ được thể hiện tại Biên bản ghi lời khai của bà H ngày 19/10/2018 và Biên bản làm việc giữa ông T và bà H với Công an thị trấn NS ngày 25/10/2018, bản tự khai và các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Cuối năm 2017 ông T đã nhiều lần đòi và bà H đã trả cho ông T được một phần số tiền trên. Theo ông T là vào tháng 10/2017 được 6.000.000đ và tháng

11/2017 được 4.000.000đ, tổng là 10.000.000đ; Còn theo bà H thì đã nhiều lần trả cho ông T được 15.000.000đ nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tất cả những lần trả tiền trên các bên đều không lập văn bản để xác định số tiền đã trả, chốt số nợ còn lại. Nhưng tại các Biên bản làm việc với Công an thị trấn NS ngày 19/10/2018 và Biên bản hòa giải với ông T tại Công an thị trấn NS ngày 25/10/2018 bà H đều xác nhận số tiền hiện còn nợ ông T là 20.000.000đ. Nên có căn cứ xác định, bà Đặng Thị H còn nợ ông Trần Huy T số tiền là 20.000.000đ, phát sinh nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/10/2018. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khoản tiền lãi:

Việc ông Trần Huy T cho bà Đặng Thị H vay tiền không thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi suất nên trong thời gian vay đến trước ngày phát sinh nghĩa vụ trả nợ 25/10/2018 không phải xem xét.

Bà H cho rằng do không thỏa thuận lãi và do ông T tự nguyện đưa tiền cho bà nên không chấp nhận trả tiền lãi của số nợ 20.000.000đ cho ông T là không phù hợp. Vì số nợ trên phát sinh nghĩa vụ chậm trả tiền từ ngày 25/10/2018 và khi ông T yêu cầu thì bà H có trách nhiệm chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông T yêu cầu tính lãi số tiền chậm trả 20.000.000đ từ tháng 01/2018 với mức lãi suất 1,5%/tháng với số tiền lãi tạm tính là 7.200.000đ nhưng không đưa ra được chứng cứ tài liệu đã yêu cầu bà H trả nợ tiền trước ngày 25/10/2018 khi Công an thị trấn NS tiến hành hòa giải. Nay ông T có yêu cầu tính lãi và đề nghị tính theo quy định của pháp luật nên chỉ có căn cứ chấp nhận mức tính lãi và thời gian tính lãi từ ngày 25/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: 20.000.000đ x 10%/năm từ ngày 25/10/2018 đến 12/3/2020 = 2.761.111đ.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đặng Thị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 280, Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Huy T.

Buộc bà Đặng Thị H phải trả cho ông Trần Huy T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền gốc và 2.761.000đ (đã làm tròn- hai triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) tiền lãi, tổng là 22.761.000đ (hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị H phải chịu 1.138.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách